MỤC LỤC

[BÀI 1 : CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN 1](#_Toc81837574)

[BÀI 2: LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH 6](#_Toc81837575)

[BÀI 3: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA 15](#_Toc81837576)

[BÀI 4: GIỚI THIỆU SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC 26](#_Toc81837577)

[BÀI 5: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG 37](#_Toc81837578)

[BÀI 6: KĨ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN 44](#_Toc81837579)

[BÀI 7: KĨ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG 52](#_Toc81837580)

**LÝ THUYẾT GDQP&AN 11**

# ****BÀI 1 :**** CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN



**I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN**

**1. Khái niệm chung về phòng không nhân dân**

Là tổng hợp các biện pháp và hoạt động của quần chúng nhân dân nhằm đối phó với các cuộc tiến công hoả lực bằng đường không của địch.

**2. Sự hình thành và phát triển của công tác phòng không nhân dân**

Công tác phòng không nhân dân ở Việt Nam hình thành trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ (1964 – 1972).

- Nhận rõ âm mưu của địch, ta đã tổ chức vận dụng kết hợp cả 2 hình thức:

+ Chủ động sơ tán, phòng tránh.

+ Kiên quyết đánh trả tiêu diệt địch.

\* Yêu cầu, nhiệm vụ công tác Phòng không nhân dân trong thời kỳ mới

- Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh xảy ra với vũ khí công nghệ cao.

- Mức độ khốc liệt, tàn phá lớn.

- Chuyển tiếp từ thời bình sang thời chiến nhanh.

- Công tác phòng không là một nội dung quan trọng trong xây dựng nền quốc phòng, là một bộ phận của thế trận chiến tranh nhân dân trên mặt trận đất đối không, nhằm thực hiện phòng tránh, đánh trả.

**II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

**1. Xu hướng phát triển của tiến công hoả lực**

a. Phát triển về vũ khí trang bị:

- Đa năng, tầm xa, tác chiến điển tử mạnh.

- Tàng hình, hệ thống điều khiển hiện đại.

- Độ chính xác cao, sức công phá mạnh.

b. Phát triển về lực lượng:

- Tinh gọn, đa năng, cơ động, hiệu quả.

- Tính tổng thể cao.

- Cơ cấu hợp lý, cân đối.

- Có khả năng độc lập tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

c. Phát triển về nghệ thuật tác chiến:

- Là một kiểu chiến tranh mới - chiến tranh bằng tiến công hoả lực từ xa với các nguyên nhân sau:

+ Tiến công hoả lực ngoài phạm vi biên giới, vùng trời, vùng biển của một quốc gia, tránh được thương vong về sinh lực.

+ Tiến công hoả lực không phụ thuộc nhiều vào không gian, thời gian.

+ Tiến công hoả lực không cần đưa quân đi chiếm đất, nhưng áp đặt được mục đích chính trị.

**2. Phương thức tiến hành tiến công hoả lực đối với nước ta**

a. Tiến công từ xa “phi tiếp xúc”.

b. Đánh đêm bay thấp, sử dụng phương tiện tàng hình, tác chiến điện tử mạnh, đánh từng đợt lớn kết hợp đánh nhỏ lẻ liên tục ngày đêm.

c. Sử dụng vũ khí chính xác công nghệ cao đánh vào các mục tiêu trọng yếu

- Chia đợt và các mục tiêu đánh:

+ Đợt 1 đánh các lực lượng phòng không,

+ Đợt 2 đánh các mục tiêu trọng yếu, cơ quan đầu não.

+ Đợt 3 đánh vào các mục tiêu quân sự

- Thủ đoạn hoạt động:

+ Tổ chức trinh sát nắm chắc các mục tiêu định tiến công và tình hình để tạo bất ngờ.

+ Sử dụng tổng hợp các loại phương tiện trang bị,

+ Sử dụng hệ thống chỉ huy, tình báo, thông tin hiên đại.

+ Kết hợp tiến công hoả lực với các hoạt động bạo loạn lật đổ, tình báo, ngoại giao, kinh tế...

**3. Đặc điểm, yêu cầu công tác phòng không  nhân dân**

a. Đặc điểm:

- Địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, có ưu thế vượt trội về phương tiện trang bị.

- Phải đối phó với địch trên không, địch mặt đất, mặt nước và bọn phản động gây bạo loạn, gây cháy nổ, phá hoại.

- Trong tình hình đổi mới của đất nước, cần lưu ý:

+ Gắn nhiệm vụ phòng không với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ.

+ Tổ chức phòng tránh hệ thống mục tiêu cần phải đa dạng, phù hợp.

-  Phải có sự phối hợp hiệp đồng chặt chẽ của các lực lượng.

b. Yêu cầu công tác phòng không nhân dân:

- Phải kết hợp chặt chẽ theo phương châm:“Toàn dân - toàn diện - tích cực chủ động - kết hợp giữa thời bình và thời chiến”.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phần “phòng” trong nhân dân, với công tác chuyên môn nghiệp vụ của nhà nước để chống tiến công đường không của địch.

- Lấy “phòng” và “tránh” là chính, đồng thời sẵn sàng xử lý mọi tình huống.

- Kết hợp giữa lực lượng chuyên môn và bán chuyên môn của quần chúng, giữa hiện đại và thô sơ, vận dụng kinh nghiệm

-  Hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, giữa các ngành theo kế hoạch chung.

**4. Nội dung công tác phòng không nhân dân.**

a. Tuyên truyền giáo dục về công tác phòng không nhân dân

b. Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động, quan sát nắm được hoạt động đánh phá của địch:

+ Tổ chức các đài quan sát mắt.

+ Tổ chức thu tin tức.

+ Tổ chức mạng thông tin thông báo, báo động.

+ Xác định các qui chế, quyền hạn, thứ tự ưu tiên thông tin, thông báo, báo động.

+ Trang bị khí tài cho các đài quan sát.

c. Tổ chức nguỵ trang, sơ tán, phòng tránh:

\* Sơ tán, phân tán:

\* Tổ chức phòng tránh:

+ Cải tạo hệ thống hang động để cất giấu tài sản...

+ Xây dựng các công trình ngầm.

+ Xây dựng hệ thống hầm, hào.

+ Nguỵ trang.

+ Khống chế ánh sáng.

+ Xây dựng công trình bảo vệ.

+ Phòng gian giữ bí mật

d. Tổ chức đánh trả và phục vụ chiến đấu

+ Đánh tập trung: để bảo vệ các trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế quan trọng.

+ Đánh địch rộng khắp: đánh trên đường bay tiếp cận.

e. Tổ chức khắc phục hậu quả.

+ Tổ chức cứu thương:

+ Tổ chức lực lượng cứu sập

+ Tổ chức cứu hoả; cứu hộ trên sông, biển.

+ Tổ chức khôi phục đảm bảo giao thông, thông tin...

+ Tổ chức lực lượng chôn cất nạn nhân, làm sạch môi trường, ổn định đời sống.

**5. Tổ chức chỉ đạo công tác phòng không nhân dân ở các cấp.**

Để thực hiện công tác phòng không nhân dân được hiệu quả, ngày 06/01/2003 Thủ tướng chính phủ đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo công tác phòng không nhân dân Trung ương và Ban chỉ đạo công tác phòng không nhân dân địa phương

# BÀI 2: LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH



**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ (NVQS )**

- Để kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân.

- Thực hiện quyền làm chủ của công dân và tạo điều kiện cho công dân làm tròn nghĩa vụ bảo vệ rổ quốc.

- Đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ**

**1. Giới thiệu khái quát về luật**

- Luật NVQS gồm: 09 chương, 61 điều.

- Bố cục:

+ Chương 1: Gồm 10 điều: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

+ Chương 2: Gồm 10 điều: ĐĂNG KÝ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ QUẢN LÝ CÔNG DÂN TRONG ĐỘ TUỔI THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

+ Chương 3: Gồm 9 điều: PHỤC VỤ CỦA HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ TẠI NGŨ VÀ HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ DỰ BỊ

+ Chương 4: Gồm 11 điều: NHẬP NGŨ VÀ XUẤT NGŨ TRONG THỜI BÌNH

+ Chương 5: Gồm 3 điều: NHẬP NGŨ THEO LỆNH ĐỘNG VIÊN, XUẤT NGŨ KHI BÃI BỎ TÌNH TRẠNG CHIẾN TRANH HOẶC TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP VỀ QUỐC PHÒNG

+ Chương 6: Gồm 5 điều: CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ NGÂN SÁCH BẢO ĐẢM TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

+ Chương 7: Gồm 4 điều: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

+ Chương 8: Gồm 2 điều: XỬ LÝ VI PHẠM

+ Chương 9: Gồm 2 điều: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**2. Nội dung cơ bản của luật nghĩa vụ quân sự**

a. Những quy định chung.

\* Một số khái niệm:

- NVQS là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam. Làm nghĩa vụ quân sự gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị.

+Công dân phục vụ tại ngũ gọi là quân nhân tại ngũ .

+Công dân phục vụ trong ngạch dự bị gọi là quân nhân dự bị..

+Công dân làm nghĩa vụ quân sự ( tại ngũ và dự bị ) nam đến hết 45 tuổi, nữ đến hết 40 tuổi.

\* Nghĩa vụ của quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị.

- Tuyệt đối trung thành với tổ quốc, nhân dân và nhà nước CHXHCN việt nam. Nêu cao tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, hi sinh bảo vệ vững chắc tổ quốc việt nam XHCN và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

- Tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, kiên quyết bảo vệ tài sản XHCN, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

- Gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nứơc, điều lệnh điều lệ của quân đội .

- Ra sức học tập chính trị, quân sự, văn hoá, kỹ thuật nghiệp vụ, rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, thể lực, không ngừng nâng cao bản lĩnh chiến đấu.

\* Những nghĩa vụ quân nhân nói lên bản chất cách mạng của quân đội, của mỗi quân nhân và yêu cầu họ phải luôn trao dồi bản chất cách mạng đó.

- Mọi quân nhân ( tại ngũ và dự bị ) trong thời gian tập trung làm nhiệm vụ có quyền và nghĩa vụ của công dân.

- Mọi công dân nam: không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, trình độ văn hoá hay nơi cư trú…có nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong quân đội nhân dân việt nam.

- Do phụ nữ có đặc điểm về thể chất và sinh hoạt, khó hoạt động trong quân đội nên luật quy định: “Công dân nữ trong độ tuổi từ 18 - 40 có chuyên môn cần cho quân đội , trong thời bình phải đăng ký nghĩa vụ quân sự và được gọi huấn luỵện. Nếu tự nguyện có thể được phục vụ tại ngũ. Trong thời chiến: Theo quy định của chính phủ, công dân nữ được gọi nhập ngũ và đảm nhiệm công tác thích hợp”.

b. Chuẩn bị cho thanh niên phục vụ tại ngũ.

- Huấn luyện quân sự phổ thông ( giáo dục quốc phòng ).

- Đào tạo cán bộ nhân viên có chuyên môn kỹ thuật cho quân đội- Đăng ký nghĩa vụ quân sự và kiểm tra sức khoẻ đối với công dân nam giới đủ 17 tuổi, nữ đủ 18 tuổi trở lên - nhằm nắm chắc lực lượng để gọi thanh niên nhập ngũ năm sau.

c. Phục vụ tại ngũ trong thời bình.

- Độ tuổi gọi nhập ngũ là nam công dân từ đủ 18 tuổi -> hết 25 tuổi, công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình:

+ Hạ sĩ quan binh sĩ là 24 tháng.

+ Thời gian đào ngũ không tính vào thời gian phục vụ tại ngũ.

\* Những người sau đây được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình:

- Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

- Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

- Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;

- Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

- Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 03 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định;

- Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

- Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.

\* Những người sau đây được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình:

- Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;

- Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;

- Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81 % trở lên;

- Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân;

- Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.

\* Chế độ chính sách đối vớí hạ sĩ quan binh sĩ phục vụ tại ngũ:

 - Được bảo đảm cung cấp kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hàng tháng, nhu yếu phẩm và nhu cầu về văn hóa, tinh thần phù hợp với tính chất nhiệm vụ của quân đội; được bảo đảm chế độ trong các ngày lễ, tết; được bảo đảm chăm sóc sức khỏe khi bị thương, bị ốm đau, bị tai nạn theo quy định của pháp luật;

 - Từ tháng thứ mười ba trở đi được nghỉ phép theo chế độ; các trường hợp nghỉ vì lý do đột xuất khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định;

 - Từ tháng thứ hai mươi lăm trở đi được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng;

 - Được tính nhân khẩu trong gia đình khi gia đình được giao hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà ở và đất canh tác;

 - Được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác;

 - Được ưu đãi về bưu phí;

 - Có thành tích trong chiến đấu, công tác, huấn luyện được khen thưởng theo quy định của pháp luật;

 - Trong trường hợp bị thương, bị bệnh khi làm nhiệm vụ thi được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật;

 - Được Nhà nước bảo đảm chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế;

 - Được tạm hoãn trả và không tính lãi suất khoản vay từ Ngân hàng chính sách xã hội mà trước khi nhập ngũ là thành viên hộ nghèo, học sinh, sinh viên theo quy định của pháp luật;

 - Được ưu tiên trong tuyển sinh quân sự.

\* Đối với thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ:

- Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm y tế, được hưởng trợ cấp khó khăn do ngân sách nhà nước bảo đảm;

- Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được miễn, giảm học phí khi học tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập và ngoài công lập theo quy định của pháp luật về chế độ miễn, giảm học phí;

- Trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ hy sinh, từ trần trong khi làm nhiệm vụ thì gia đình được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật.

\* Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ:

- Được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, trợ cấp xuất ngũ;

- Trước khi nhập ngũ đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tập tại các trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả, được tiếp nhận vào học ở các trường đó;

- Được trợ cấp tạo việc làm;

- Trước khi nhập ngũ đang làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì khi xuất ngũ cơ quan, tổ chức đó phải có trách nhiệm tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm thu nhập không thấp hơn trước khi nhập ngũ; trường hợp cơ quan, tổ chức đó đã giải thể thì cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có trách nhiệm bố trí việc làm phù hợp;

- Trước khi nhập ngũ đang làm việc tại tổ chức kinh tế thi khi xuất ngũ tổ chức đó phải có trách nhiệm tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm tiền lương, tiền công tương xứng với vị trí việc làm và tiền lương, tiền công trước khi nhập ngũ; trường hợp tổ chức kinh tế đã chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc phá sản thì việc giải quyết chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ được thực hiện như đối với người lao động của tổ chức kinh tế đó theo quy định của pháp luật;

- Được giải quyết quyền lợi về bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội;

- Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và khoản 1 Điều 48 của Luật này, khi về địa phương được chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức ưu tiên sắp xếp việc làm và cộng điểm trong tuyển sinh, tuyển dụng công chức, viên chức; trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo.

d. Xử lý các vi phạm luật NVQS.

- Xử lý các vi phạm luật NVQS nhằm đảm bảo tính nghiêm minh và triệt để của pháp luật. - Người nào vi phạm các quy định về đăng ký NVQS, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, gọi quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, lợi dụng chức quyền, quyền hạn để làm trái hoặc cản trở việc thực hiện các quy định trên đây hoặc vi phạm các quy định khác của luật NVQS thì tuỳ theo mức độ nặng hay nhẹ mà bị xử lí ký luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH**

a. Học tập QS, chính trị, rèn luyện thể lực do nhà trường tổ chức.

\* Trách nhiệm của HS đang học ở các trường:

+ Phải học tập xong chương trình GDQP theo quy định.

+ Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm đầy đủ trong học tập rèn luyện, phấn đấu đạt kết quả cao.

+ Kết hợp học đi đôi với hành, vận dụng kiến thức đã học vào việc xây dựng nếp sống văn minh chấp hành đầy đủ các quy định trong luật NVQS.

\* Chấp hành những quy định về đăng ký NVQS.

- Tuổi đăng ký NVQS: Mọi công dân nam đủ 17 tuổi trong năm. Vào tháng 4 hàng năm theo lệnh gọi của chỉ huy quân sự quận, huyện.

- Ý nghĩa của việc đăng ký NVQS :

+ Đăng ký NVQS để nắm tình hình bản thân, gia đình học sinh. Giúp cho việc tuyển chọn, gọi nhập ngũ chính xác.

+ Đảm bảo công bằng xã hội trong thực hiện luật NVQS.

+ Học sinh phải đăng ký kê khai đầy đủ chính xác đúng thời gian quy định.

c. Đi kiểm tra sức khoẻ và khám sức khoẻ

- Trách nhiệm của cơ quan

- Trách nhiệm của HS:

+ Đi kiểm tra và khám sức khoẻ theo giấy gọi của ban chỉ huy quân sự huyện.

+ Đi đúng thời gian, địa điểm theo quy định trong giấy gọi.

+ Khi kiểm tra hoặc khám sức khoẻ, phải tuân theo đầy đủ các nguyên tắc thủ tục ở phòng khám.

d. Chấp hành nghiêm chỉnh lệnh gọi nhập ngũ.

- Trách nhiệm của cơ quan. Lệnh gọi nhập ngũ phải đưa trước 15 ngày.

- Trách nhiệm của công dân được gọi nhập ngũ:

+ Phải có mặt đúng thời gian địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ.

+ Công dân nào kkhông thể đúng thời gian phải có giấy chứng nhận của uỷ ban nhân dân.

+ Công dân không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ bị xử lý theo luật NVQS.

# BÀI 3: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA



**I. LÃNH THỔ QUỐC GIA VÀ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA**

**1. Lãnh thổ quốc gia.**

a. Khái niệm lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia xuất hiện cùng với sự ra đời của nhà nước. Ban đầu lãnh thổ quốc gia chỉ được xác định trên đất liền dần dần mở rộng ra trên biển , trên trời và trong lòng đất.

Lãnh thổ quốc gia: Là một phần của trái đất. Bao gồm: vùng đất, vùng nước, vùng trời trên vùng đất và vùng nước, cũng như lòng đất dưới chúng thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của một quốc gia nhất định.

b. Các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia.

- Vùng đất: Gồm phần đất lục địa, các đảo và các quân đảo thuộc chủ quyền quốc gia.

- Vùng nước: Vùng nước quốc gia là toàn bộ các phần nước nằm trong đường biên giới quốc gia.

Gồm: + Vùng nước nội địa: gồm biển nội địa ,các ao hồ,sông suối...(kể cả tự nhiên hay nhân tạo).

+ Vùng nước biên giới : gồm biển nội địa ,các ao hồ,sông suối... trên khu vực biên giới giữa các quốc gia .

+ Vùng nước nội thuỷ: được xác định một bên là bời biển và một bên khác là đường cơ sở của quốc gia ven biển.

+ Vùng nước lãnh hải: là vùng biển nằm ngoài và tiếp liền với vùng nội thuỷ của quốc gia. Bề rộng của lãnh hải theo công ước luật biển năm 1982 do quốc gia tự quy định nhưng không vươt quá 12 hải lí tính từ đường cơ sở.

- Vùng lòng đất: là toàn bộ phần nằm dưới vùng đất và vùng nước thuộc chủ quyền quốc gia.Theo nguyên tắc chung được mặc nhiên thừa nhận thì vùng lòng đất được kéo dài tới tận tâm trái đất.  
  
- Vùng trời: là khoảng không bao trùm lên vùng đất vá vùng nước của quốc gia.

- Vùng lãnh thổ đặc biệt: Tàu thuyền ,máy bay ,các phương tiện mang cờ dấu hiệu riêng biệt và hợp pháp của quốc gia ...,hoạt động trên vùng biển quốc tế, vùng nam cưc, khoảng không vũ trụ... ngoài phạm vi lãnh thổ qốc gia minh được thừa nhận như một phần lãnh thổ quốc gia.

**2. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia.**

a. Khái niệm chủ quyền lãnh thổ quốc gia

- Khái niệm: Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền tối cao, tuyệt đối, hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của mình

- Đó là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, quốc gia có quyền đặt ra quy chế pháp li đối với lãnh thổ.Nhà nước có quyền chiếm hữu ,sử dụng và định đoạt đối với lãnh thổ thông qua hoạt động của nhà nước nhự lập pháp và tư pháp.

b. Nội dung chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

\* Lãnh thổ quốc gia thuộc chủ quyền hoàn toàn riêng biệt của một quốc gia.

- Quốc gia có quyền tự lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp với cộng đồng cư dân sồng trên lãnh thổ mà không có sự can thiệp áp đặt dưới bất kì hình thức nào từ bên ngoài

- Quốc gia có quyền tự do lựa chọn phương hướng phát triển đất nước, thực hiện những cải cách kinh tế, xã hội phù hợp với đặc điểm quốc gia.Các quốc gia khác các tổ chức quốc tế phải có nghĩa vụ tôn trọng sự lựa chọn đó.

- Quốc gia tự quy định chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ.

- Quốc gia có quyền sở hữu hoàn toàn tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ của mình.

- Quốc gia thực hiện quyền tài phán(xét xử) đối với những người thuộc phạm vi lãnh thổ của mình( trừ những trường hợp pháp luật quốc gia , hoặc điều ước quốc tế ma quốc gia đó tham gia là thành viên có quy định khác).

- Quốc gia có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thích hợp đối với những Công ty đầu tư trên lãnh thổ mình.

- Quốc gia có quyền và nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo lãnh tổ quốc gia theo nguyên tắc chung quốc tế,có quyền thay đổi lãnh thổ phù hợp với pháp luật và lợi ích của cộng đồng dân cư sống trên lãnh

**II. BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

**1. Sự hình thành biên giới quốc gia Việt Nam.**

- Cùng với việc hình thành và mở rộng lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam dần dần cũng hoàn thiện.

- Tuyến biên giới đất liền gồm Biên giới Việt Nam - Trung Quốc dài 1306 km; Biên giới Việt Nam – Lào dài 2067 km; Biên giới Việt Nam – Campuchia dài 1137 km, Việt Nam đã thoả thuận tiến hành phân giới cắm mốc, phấn đấu hoàn thành vào năm 2012.

- Tuyến biển đảo Việt Nam đã xác định được 12 điểm để xác định đường cơ sở, đã đàm phán với Trung Quốc ký kết Hiệp định phân định Vịnh Bắc bộ ngày 25/12/2000, Đồng thời đã ký các hiệp định phân định biển với Thái Lan; Indonêsia. Như vậy, Việt Nam còn phải giải quyết phân định biển với Trung Quốc trên biển Đông và chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; với Campuchia về biên giới trên biển; với Malaixia về chồng lấn vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; với Philipin về tranh chấp trên quần đảo Trường Sa.

**2. Khái niệm biên giới quốc gia**

a. Khái niệm

Là ranh giới phân định lãnh thổ của quốc gia này với lãnh thổ của quốc gia khác hoặc các vùng mà quốc gia có quyền chủ quyền trên biển.

Biên giới quốc gia nước CHXHCNVN: Là đường và mặt phẳng thẳng đứng theo các đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo ( Hoàng Sa và Trường Sa ) vùng biển, lòng đất, vùng trời nước CHXHCNVN.

b. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

Bốn bộ phận cấu thành biên giới là: biên giới trên đất liền, biên giới trên biển, biên giới lòng đất và biên giới trên không.

- Biên giới quốc gia trên đất liền:

Biên giới quốc gia trên đất liền là đường phân chia chủ quyền lãnh thổ đất liền của một Quốc gia với Quốc gia khác.

- Biên giới quốc gia trên biển: có thể có hai phần:

+ Một phần là đường phân định nội thuỷ, lãnh hải giữa các nước có bờ biển tiếp liền hay đối diện nhau.

+ Một phần là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải để phân cách với các biển và thềm lục địa thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển

- Biên giới lòng đất của quốc gia:

Biên giới lòng đất của quốc gia là biên giới được xác định bằng mặt thẳng đứng đi qua đường biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển xuống lòng đất, độ sâu tới tâm trái đất.

- Biên giới trên không: Là biên giới vùng trời của quốc gia, gồm hai phần:  
+ Phần thứ nhất, là biên giới bên sườn được xác định bằng mặt thẳng đứng đi qua đường biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển của quốc gia lên không trung.

+ Phần thứ hai, là phần giới quốc trên cao để phân định ranh giới vùng trời thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của giới quốc và khoảng không gian vũ trụ phía trên.

**3. Xác định biên giới quốc gia Việt Nam.**

a. Nguyên tắc cơ bản xác định biên giới quốc gia

- Các nước trên thế giới cũng như Việt Nam đều tiến hành xác định biên giới bằng hai cách cơ bản sau:

+ Thứ nhất, các nước có chung biên giới và ranh giới trên biển (nếu có) thương lượng để giải quyết vấn đề xác định biên giới quốc gia.  
+ Thứ hai, đối với biên giới giáp với các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, Nhà nước tự quy định biên giới trên biển phù hợp với các quy định trong Công ước của Liên hợp quốc về luật biển năm 1982.

- Ở Việt Nam, mọi ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về biên giới của Chính phủ phải được Quốc hội phê chuẩn thì điều ước quốc tế ấy mới có hiệu lực đối với Việt Nam.

b. Cách xác định biên giới quốc gia



Mỗi loại biên giới quốc gia được xác định theo các cách khác nhau:

+ Xác định biên giới quốc gia trên đất liền: Được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới.

- Nguyên tắc chung hoạch định biên giới quốc gia trên đất liền bao gồm:

+ Biên giới quốc gia trên đất liền được xác định theo các điểm (toạ độ, điểm cao), đường (đường thẳng, đường sống núi, đường cái, đường mòn), vật chuẩn (cù lao, bãi bồi).

+ Biên giới quốc gia trên sông, suối được xác định:

Trên sông mà tàu thuyền đi lại được, biên giới được xác định theo giữa lạch của sông hoặc lạch chính của sông.

Trên sông, suối mà tàu thuyền không đi lại được thì biên giới theo giữa sông, suối đó. Trường hợp sông, suối đổi dòng thì biên giới vẫn giữ nguyên.

Biên giới trên cầu bắc qua sông, suối được xác định chính giữa cầu không kể biên giới dưới sông, suối như thế nào.

- Phương pháp để cố định đường biên giới quốc gia:

Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới

Đặt mốc quốc giới:

Dùng đường phát quang ( Ở Việt Nam hiện nay mới dùng hai phương pháp đầu)

- Như vậy, việc xác định biên giới quốc gia trên đất liền thực hiện theo ba giai đoạn là: Hoạch định biên giới bằng điều ước quốc tế; phân giới trên thực địa (xác định đường biên giới); cắm mốc quốc giới để cố định đường biên giới.

\* Xác định biên giới quốc gia trên biển:

Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo Việt Nam được xác định bằng pháp luật Việt Nam phù hợp với Công ước năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các quốc gia hữu quan.

\* Xác định biên giới quốc gia trong lòng đất:

Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất.  
Mặt thẳng đứng từ ranh giới phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa xuống lòng đất xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước giữa Việt Nam và quốc gia hữu quan.

\* Xác định biên giới quốc gia trên không:

Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời  
Biên giới quốc gia trên không xác định chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt khoảng không gian bao trùm trên lãnh thổ, do quốc gia tự xác định và các nước mặc nhiên thừa nhận. Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vùng trời Việt Nam ngày 5/6/1984 xác định: "Vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là không gian ở trên đất liền, nội thuỷ, lãnh hải và các đảo của Việt Nam và thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

**III. BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

**1. Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ biên giới quốc gia.**

a) Biên giới quốc gia nước CHXHCN Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm

Đảng và nhà nước ta luôn coi trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ,biên giới quốc gia đồng thời xác định bảo vệ biên giới quốc gia gắn liền với bảo vệ lãnh thổ bảo vệ tổ quốc. Đó là nhiệm vụ thiêng liêng bất khả xâm phạmcủa toàn đảng toàn quân toàn dân nhằm bảo vệ không gian sinh tồn của dân tộc.

b) Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của Nhà nước và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân

Bảo vệ biên giới quốc gia là trách nhiêm của đảng nhà nước toàn dân toàn quân trước hết là chính quyền nhân dân khu vực biên giói và các lực lượng vũ trang ma trong đó bộ đội biên phòng làm nòng cốt, chuyên trách trong quản lý bảo vệ biên giới quốc gia.

c) Bảo vệ biên giới quốc gia phải dựa vào dân, trực tiếp là đồng bào các dân tộc ở biên giới

Nước ta có đường biên giới dài, đi qua địa hình phức tạphiểm trở có vùng biển rộng.Lực lượng chuyên trách không thể bố trí khép kín trên các tuyến biên giới vì vậy việc quản lý bảo vệ phải dựa vào dân mà trực tiếp là các dân tộc ở vùng biên giới, đậy là lực lượng tại chỗ rất quan trọng.

d) Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, giải quyết các vấn đề về giới quốc gia bằng biện pháp hoà bình

- Đó vừa là mong muốn vừa là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

- Mọi bất đồng trong quan hệ biên giới Đảng và Nhà nước ta chủ động đàm phán thương lượng giữa các nước hữu quan trên cơ sở bình đẳng tôn trọng độc lập chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau.

e) Xây dựng lực lượng vũ trang chuyên trách, nòng cốt quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

- Đảng và nhà nước ta xác định bộ đội biên phòng là lực lượng vũ trang của đảng và nhà nướclàm nòng cốt chuyênn trách bảo vệ chủ quền toàn vẹn lãnh thổ và an ninh trâật tưự biên giới quốc gia.

- Nhà nước xây dựng bộ đội biên phòng theo hướng cách mạng chính quy tinh nhuệ từng bước hiện đại có chất lượng cao, quân số và tổ chức hợp lý.

**2. Nội dung cơ bản xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

a. Vị trí, ý nghĩa của việc xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia

Khu vực biên giới là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh của mỗi quốc gia...xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa vô cùng quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại.

b. Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, bảo vệ giới quốc gia:

- Quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, hệ thống dấu hiệu mốc giới; đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm lãnh thổ, biên giới , vượt biên, vượt biển và các vi phạm khác xảy ra ở khu vực giới.

- Xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện:

- Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh để quản lý, bảo vệ giới quốc gia

- Vận động quần chúng nhân dân ở khu vực biên giới tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới; bảo vệ an ninh trật tự khu vực biên giới , biển, đảo của Tổ quốc

c. Trách nhiệm của công dân

- Mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng khu vực biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.  
- Trước hết công dân phải nhận thức rõ nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Chấp hành nghiêm hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện nghiêm luật quốc phòng, luật nghĩa vụ quân sự, luật biên giới; tuyệt đối trung thành với tổ quốc,

- Làm tròn nghĩa vụ quân sự, thực hiện nghiêm các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao; cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

\* Trách nhiệm của học sinh

- Học tập nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc.

- Xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lập tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ tổ quốc.

- Tích cực học tập kiến thức quốc phòng – an ninh, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ quốc phòng.

- Tích cực tham gia các phong của đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, phong trào mùa hè xanh, phong trào thanh niên tình nguyện hướng về vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo.

# BÀI 4: GIỚI THIỆU SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC

**I. SÚNG TIỂU LIÊN AK**

**1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.**

Súng Tiểu liên AK do Liên Xô sản xuất đầu tiên. AK viết tắt của Atomat Kalashnicov (súng Kalashnicov tự động), do Kalasnicov chế tạo năm 1947, còn gọi là súng AK 47, AK thường hay AK cỡ 7,62 mm.

Sau này có một số súng được cải tiến như: AKM, AKMS, và nhiều phiên bản khác.

- Súng AK trang bị cho từng người dùng để tiêu diệt sinh lực địch. Súng có lê để đánh gần.

- Súng dùng đạn cỡ 7,62 mm x 39 mm kiểu 1943 do Liên Xô chế tạo hoặc kiểu 1956 do Trung Quốc chế tạo. Súng dùng chung đạn với các loại súng: Súng trường CKC, K63, trung liên RPD, RPK.

- Tầm bắn ghi trên thước ngắm : 800m, AK cải tiến là 1000m.

- Tầm bắn hiệu qủa: 400; hỏa lực tập trung: 800 m; bắn máy bay, quân nhảy dù : 500m

- Tầm bắn thẳng: Mục tiêu cao 0.5m là 350m, mục tiêu cao 1.5m là 525m

- Tốc độ của đầu đạn: AK:710m/s; AK cải tiến:715m/s

- Tốc độ bắn chiến đấu: phát một: 40phát/phút, liên thanh: 100phát/phút.

- Trọng lượng của súng là 3,8kg, AKM : 3,1kg, AKMS : 3,3kg.

- Hộp tiếp đạn chứa 30 viên nặng 0,5 kg

**2. Cấu tạo của súng.**

****

Súng tiểu liên AK gồm có 11 bộ phận chính

a. Nòng súng: Để định hướng bay cho đầu đạn...

b. Bộ phận ngắm: Để ngắm bắn vào các mục tiêu ở cự ly khác nhau.

c. Hộp khóa nòng và nắp hộp khóa nòng.

d. Bệ khóa nòng và thoi đẩy.

e. Khóa nòng.

f. Bộ phận cò.

g. Bộ phận đẩy về.

h. Ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay.

i. Báng súng và tay cầm.

k. Hộp tiếp đạn.

l. Lê

**3. Cấu tạo của đạn.**

Đạn K56 có 4 bộ phận:

1.Đầu đạn.

2. Vỏ đạn.

3. Thuốc phóng

4.Hạt lửa.

**4. Sơ lược chuyển động của súng khi bắn**

- Gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo tay khéo BKN về sau, buông ra để lên đạn.

- Bóp cò, búa đạp vào kim hỏa, kim hỏa chọc vào hạt lửa, đạn nổ đẩy đầu đạn vào nòng súng.

- Khi đầu đạn qua lỗ trích khí thuốc, một phần khí thuốc phụt qua lỗ truyền khí thuốc đập vào mặt thoi đẩy đẩy bệ khóa nòng và khóa nòng lùi, hất vỏ đạn ra ngoài.

- Khi bệ khoá nòng lùi hết cỡ, bộ phận đẩy về giãn ra đẩy bệ khoá nòng và khoá nòng tiến, đưa viên đạn tiếp theo vào buồng đạn.

**5. Cách lắp và tháo đạn.**

a. Lắp đạn

Tay trái giữ hộp tiếp đạn, sống hộp tiếp đạn quay sang trái. Tay phải cầm viên đạn, đầu đạn quay sang phải. Đặt viên đạn vào cửa tiếp đạn rồi ấn xuống, đáy vỏ đạn phải sát thành sau của hộp tiếp đạn.

b. Tháo đạn

Tay trái giữ hộp tiếp đạn, sống hộp tiếp đạn quay sang trái. Tay phải dùng đầu ngón tay cái đẩy đáy vỏ đạn về trước, cứ như vạy cho đến khi hết đạn.

**6. Tháo và lắp súng thông thường**



a. Quy tăc tháo và lắp súng

- Người tháo, lắp phải nắm vững cấu tạo của súng.

- Khi tháo phải chọn nơi khô ráo, sạch sẽ. Trước khi tháo phải chuẩn bị đầy đủ những đồ dùng, phương tiện cần thiết.

- Trước khi tháo, lắp phải khám súng.

- Khi tháo, lắp phải dùng đúng phụ tùng, làm đúng động tác, gặp vướng mắc phải nghiên cứu thận trọng, không dùng sức mạnh đập, bẩy làm hỏng súng.

b. Thứ tự động tác tháo và lắp

\* Tháo súng:

- Bước 1: Tháo hộp tiếp đạn và kiểm tra súng

Tay trái nắm ốp lót tay để đầu súng hướng lên trên, mặt súng quay sang trái, tay phải nắm hộp tiếp đạn, bốn ngón con phía trên, ngón cái phía dưới bóp vào lẫy giữ hộp tiếp đạn, đẩy hộp tiếp đạn lên, tháo ra; gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, ngón tay cái kéo bệ khóa nòng xuống dưới hết cỡ, thả tay ra (không bóp cò)

- Bước 2: Tháo ống phụ tùng

Tay nâng súng lên cách mặt bàn khoảng 20cm, tay phải ngón trỏ ấn vào nắp của ổ chứa ống phụ tùng ở đế báng súng, lấy ống phụ tùng ra. Đặt súng xuống, tháo rời từng bộ phận.

- Bước 3: Tháo thông nòng.

Tay trái cầm cổ báng súng, mặt súng quay lên trên, ngón cái ấn vào đuôi cốt lò xo của bộ phận đẩy về, tay phải nắm phía dưới của hộp khóa nòng, nhấc lên, tháo ra.

- Bước 4: Tháo nắ hộp khóa nòng

Tay trái giữ súng như bước 1, tay phải mở lê ra 1 góc 450, kéo thông nòng sang phải lên trên, rút thông nòng ra, gập lê lại (nếu có)

- Bước 5: Tháo bộ phận đẩy về.

Tay trái giữ súng như cũ. Tay phải cầm chân đuôi cốt lò xo bộ phận đẩy về, đẩy về trước cho chân đuôi cốt lò xo rời khỏi rảnh chứa trên hộp khóa nòng, lấy ra.

- Bước 6: Tháo bệ khóa nòng và khóa nòng.

Tay trái giữ súng như cũ, tay phải nắm choàng lên bệ khóa nòng, kéo bệ khóa nòng và khóa nòng về sau hết cỡ, nhấc lên, kéo ra khỏi bệ khóa nòng. Tay phải cầm ngửa bệ khóa nòng, tay trái cầm khóa nòng xoay sang phải về sau để mấu đóng mở của khóa nòng rời khỏi rảnh lượn ở bệ khóa nòng, tháo khóa nòng ra khỏi bệ khóa nòng.

- Bước 7: Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay.

Tay trái cầm ốp lót tay dưới, mặt súng quay lên trên, tay phải dùng ngón trỏ hoặc ống phụ tùng xoay lẫy giữ ống dẫn thoi lên một góc 450 , tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên ra khỏi súng

\* Lắp súng

Thứ tự động tác lắp súng thức hiện ngược lại động tác tháo súng, bộ phận nào tháo ra sau thì lắp vào trước. Thứ tự động tác cụ thể như sau:

- Bước 1: Lắp ống dẫn thoi và ốp lót tay trên.

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm ống dẫn thoi và ốp lót tay trên lắp đầu ống dẫn thoi vào khuyết ở khâu truyền khí thuốc, ấn ốp lót tay trên xuống, gạt lẫy giữ ống dẫn thoi xuống hết cỡ.

- Bước 2: Lắp bệ khóa nòng và khóa nòng.

Tay phải cầm bệ khóa nòng như khi tháo, tay trái cầm khóa nòng lắp đuôi khóa nòng vào ổ chứa rồi xoay khóa nòng từ sau sang phải lên trên hết cỡ, tay phải ngón cái tì vào tai khóa trái của khóa nòng.

Lắp bệ kháo nòng và khóa nòng vào súng: Tay trái cầm cổ báng súng, mặt súng hơi nghiêng sang phải, tay phải đưa đầu thoi đẩy vào lỗ chứa thoi ở bệ thước ngắm, đặt phía sau bệ khóa nòng sát phía sau hộp khóa nòng, ấn đều bệ khóa nòng xuống cho hai rãnh trượt của bệ khóa nòng khớp với hai gờ ở hộp khóa nòng, đẩy bệ khóa nòng và khóa nòng về trước hết cỡ.

- Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về.

Tay trái vẫn giữ súng, tay phải cầm chân đuôi lò xo bộ phận đẩy về, lắp đầu bộ phận đẩy về vào lỗ chứa bộ phận đẩy về ở bệ khóa nòng, ấn bộ phận đẩy về về trước, lựa cho đuôi lò xò bộ phận đẩy về khớp với rãnh dọc ở hộp khóa nòng.

- Bước 4: Lắp nắp hộp khóa nòng và kiểm tra chuyển động của súng.

Lắp nắp hộp khóa nòng: Tay trái vẫn giữ súng, tay phải cầm nắp hộp khóa nòng, lựa cho đầu nắp hộp khóa nòng vào khuyết hình cung ở bệ thước ngắm, ấn nắp hộp khóa nòng xuống cho mấu giữ nắp hộp khóa nòng lọt vào lỗ chứa mấu giữ nắp hộp khóa nòng.

Kiểm tra chuyển động của súng: Tay trái giữ súng như bước 1 khi tháo, tay phải ngón cái kéo tay kéo bệ khóa nòng về sau hết cỡ, thả ra, làm 2-3 lần, bệ khóa nòng và khóa nòng chuyển động bình thường, bóp cò, búa đập là được, gạt cần định cách bắt về vị trí khóa an toàn.

- Bước 5: Lắp thông nòng súng.

Tay trái cầm ốp lót tay giữ súng như khi tháo, tay phải cầm thông nòng lắp đầu thông nòng vào lỗ chứa dưới khâu truyền khí thuốc và ốp lót tay dưới, ấn xuống để đuôi thông nòng lọt vào khuyết chứa ở bệ đầu ngắm.

- Bước 6: Lắp ống phụ tùng.

Hai tay kết hợp lắp ống phụ tùng vào ống đựng, tay trái cầm súng như khi tháo. Tay phải cầm ống đựng phụ tùng (nắp ống hướng vào lòng bàn tay), lắp ống phụ tùng vào ổ chứa ở đế báng súng, dùng ngón trỏ ấn ống phụ tùng vào hết cỡ, rút ngón tay ra, nắp giữ ống phụ tùng tự động đóng lại.

- Bước 7: Lắp hộp tiếp đạn

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm hộp tiếp đạn, lựa cho mấu trước của hộp tiếp đạn vào khuyết chứa ở hộp khóa nòng, ấn hộp tiếp đạn vào và kéo xuống dưới để mấu sau của hộp tiếp đạn khớp vào lẫy giữ hộp tiếp đạn, kiểm tra thấy chắc chắn là được.

**II. SÚNG TRƯỜNG CKC.**

Tên gọi khác của CKC là: Самозарядный карабин системы Симонова (trong tiếng Nga, nghĩa là Súng trường nạp đạn tự động cơ cấu Simonov)

**1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.**

- Súng trường CKC được trang bị cho từng người để tiêu diệt sinh lực địch.

- Súng trường CKC chỉ bắn được phát 1 và có lê để đánh gần.

- Tầm bắn của súng :

+ Tầm bắn ghi trên thước ngắm 1000m.

+ Tầm bắn thẳng (mục tiêu cao 0,5m: 350m, mục tiêu cao 1.5 m :525m)

+lưc Tầm bắn hiệu quả: 400 m. Hỏa lực tập trung 800, Bắn máy bay và quân nhảy dù trong vòng 500m.

- Tốc độ của đầu đạn: 735m/s.

- Tốc độ bắn chiến đấu 35-40 phát /1phút.

- khối lượng của súng: 3,75kg. có đủ đạn 3,9 kg.

- Súng sử dụng đạn kiểu 1943(đạn k56) với các loại đầu đạn khác nhau nhau như : đầu đạn thường, đạn vạch đường đạn xuyên cháy, đạn cháy.

- Ơ cự li 1500m đầu đạn còn đủ sức gây sát thương.

**2. Cấu tạo của súng(Súng CKC có 12 bộ phận chính )**

1.Nòng súng.

2. Bộp phận ngắm

3. Hộp khoá nòng

4. Bệ khóa nòng.

5. Khoá nòng.

6. Bộ phận đẩy về.

7. Bộ phận cò.

8. Thoi đẩy, cần đẩy, lò xo cần đẩy.

9. Ống dẫn thoi và ốp lót tay và nắp hộp khoá nòng.

10. Báng súng

11. Hộp tiếp đạn.

12. Lê

**3. Sơ lược chuyển động của súng khi bắn**

Mở khoá an toàn, lên đạn, bóp co, búa đập vào kim hỏa, đạn nổ. Khi đầu đạn đi qua khâu truyền khí thuốc, một phần khí thuốc làm thoi đẩy bệ khóa nòng lùi, mở khóa nòng. Khóa nòng lùi kéo theo vỏ đạn hất ra ngoài. Búa ngả về sau, lò xo đẩy về bị ép lại. Khi bệ khóa nòng, khóa nòng lùi hết cỡ, lò xo đẩy về dãn ra làm cho bệ khóa nòng, khóa nòng tiến, đẩy viên đạn tiếp theo vào buồng đạn, đóng khóa nòng, búa ở thế giương, súng ở tư thế sẵn sàng bắn.

**4. Cách lắp và tháo đạn.**

a. Lắp đạn

Tay trái cầm kẹp đạn, tay phải cầm viên đạn đặt viên đạn vào kẹp đạn sao cho gờ đáy vỏ đạn khớp gờ 2 thành kẹp. Sau đó lắp kẹp đạn vào súng

b. Tháo đạn

Tay trái cầm kẹp đạn, tay phải lấy từng viên đạn ra khỏi kẹp đạn.

**5. Tháo và lắp súng thông thường**

a. Quy tắc tháo và lắp súng.

b. Thứ tự động tác tháo và lắp súng.

\* Tháo súng:

- Bước 1: Mở hộp tiếp đạn và kiểm tra súng.

Tay trái cầm ốp lót tay, đầu nòng súng hướng lên trên, mặt súng quay sang trái. Tay phải ngón tay cái, hoặc tay ngón trỏ tì vào lẫy giữ hộp tiếp đạn kéo xuống, mở nắp hộp tiếp đạn ra; mở khóa an toàn về vị trí bắn, ngón tay cái kéo bệ khóa nòng xuống dưới hết cỡ, thả tay ra (không bóp cò)

- Bước 2: Tháo ống phụ tùng.

Tay trái nâng súng lên cách mặt bàn 20cm, tay phải ngón trỏ ấn vào nắp cửa ổ chứa hộp phụ tùng ở đế báng súng lấy ống phụ tùng ra. Đặt súng xuống, tháo rời các bộ phận.

- Bước 3: Tháo thông nòng.

Tay trái giữ súng như bước 1, tay phải mở lê ra mốt góc 450, kéo thông nòng sang phải lên trên, rút thông nòng ra, gập lê lại.

- Bước 4: Tháo nắp hộp khóa nòng.

Tay trái cầm cổ báng súng, mặt súng quay lên trên, ngón tay cái ấn vào đuôi nắp hộp khóa nòng, tay phải gạt then hãm nắp hộp khóa nòng lên một góc 900, kéo sang phải hết cỡ rồi nắm phía dưới nắp hộp khóa nòng nhấc lên, lấy ra.

- Bước 5: Tháo bộ phận đẩy về.

Tay trái giữ súng như cũ, tay phải cầm đuôi lò xo bộ phận đẩy về tháo ra.

- Bước 6: Tháo bệ khóa nòng và khóa nòng.

Tay trái giữ súng như cũ, tay phải nắm choàng lên bệ khóa nòng, kéo bệ khóa nòng và khóa nòng về sau hết cỡ, hơi nghiêng súng sang phải, nhấc lên tháo ra khỏi hộp khóa nòng, đặt súng xuống. Tay phải cầm ngữa bệ khóa nòng, tay trái cầm và tháo khóa nòng ra khỏi bệ khóa nòng.

- Bước 7: Tháo ốp lót tay và ống dẫn thoi.

Tay trai cầm đầu báng súng dưới thước ngắm, mặt súng quay lên trên, tay phải dùng ngón trỏ hoặc ống phụ tùng xoay lẫy giữ ống dẫn thoi lên một góc 450 rồi tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên ra khỏi súng.

\* Lắp súng:

- Bước 1: Lắp ống dẫn thoi và ốp lót tay trên.

Tay trái cầm súng như khi tháo, tay phải cầm ống dẫn thoi và ốp lót tay trên lắp đầu ống dẫn thoi khớp với khuyết ở khâu truyền khí thuốc, ấn ốp lót tay trên xuống, gạt lẫy giữ ống dẫn thoi và ốp lót tay xuống hết cỡ.

- Bước 2: Lắp bệ khóa nòng và khóa nòng.

Lắp khóa nòng vào bệ khóa nòng: Tay phải cầm ngửa bệ khóa nòng, tay trái cầm khóa nòng lắp vào ổ chứa khóa nòng, sao cho khóa nòng và bệ khóa nòng khớp với nhau.

Lắp bệ khóa nòng và khóa nòng vào súng: Tay trái cầm như khi tháo, tay phai nắm bệ khóa nòng và khóa nòng đặt bệ khóa nòng sát vào sau hộp khóa nòng, ấn bệ khóa nòng xuống cho hai rãnh trượt ở bệ khóa nòng khớp với hai gờ ở hộp khóa nòng, đẩy bệ khóa nòng và khóa nòng về trước hết cỡ.

- Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về.

Tay trái giữ súng như cũ, tay phải cầm lò xo của bộ phận đẩy về đưa đầu bộ phận đẩy về vào ổ chứa bộ phận đẩy về ở bệ khóa nòng, đẩy về phía trước hết cỡ.

- Bước 4: Lắp nắp hộp khóa nòng và kiểm tra chuyển động của súng.

Lắp nắp hộp khóa nòng: Tay trái giữ súng như cũ, tay phải cầm nắp hộp khóa nòng đặt sát vào thành bệ khóa nòng đẩy nắp hộp khóa nòng về trước, tay trái ngón cái giữ đuôi nắp hộp khóa nòng, tay phải xoay then hãm lên một góc900 so với thân súng và đẩy then hãm sang trái hết cỡ, gạt cần then hãm lên cho cần then hãm khớp với khuyết ở hộp khóa nòng.

Kiểm tra chuyển đọng của súng: Tay trái cầm súng như bước 1 khi tháo, tay phải ngón cái kéo bệ khóa nòng về sau hết cỡ, rồi thả ra, thực hiện 2 – 3 lần, bệ khóa nòng và khóa nòng chuyển động bình thường, bóp có, nghe búa đập mạnh là được. Tay phải gạy cần định cách bắn về vị trí khóa an toàn, đóng nắp hộp tiếp đạn.

- Bước 5: Lắp thông nòng.

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm thông nòng lắp đầu thông nòng vào lỗ chứa dưới khâu truyền khí thuốc và đầu báng súng, ấn xuống để đuôi thông nòng lọt vào khuyết chứa.

- Bước 6: Lắp ống phụ tùng.

Hai tay kết hợp lắp phụ tùng vào ống đựng, tay trai nâng súng lên như khi tháo, tay phải cầm ống đựng phụ tùng (nắp ống hướng vào lòng bàn tay), ngón trỏ ấn ống đựng phụ tùng vào hết cỡ, rút ngón tay ra, nắp giữ ống phụ tùng tự động đóng lại.

**III. QUY TẮC SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN SÚNG.**

**1. Quy tắc sử dụng súng, đạn.**

- Khi mượn súng để tập luyện phải có giáo viên phụ trách , không để học sinh tự ý mượn.

- Phải khám súng ngay khi mượn súng, khám súng thực hiện đúng quy định.

- Cấm sử dụng súng để đùa nghịch hay chía súng vào người khác bóp cò.

- Chỉ được tháo lắp hay sử dụng súng khi có lệnh của giáo viên.

- Cấm đẻ đạn thật lẫn vào đạn tập,khi giảng không dùng đạn thật để là động tác.

- Khi bắn đận thật phải chấp hành các quy định bảo đảm an toàn, ybắn xong phải lau chùi bảo quản súng theo đúng chế độ.

**2. Quy tắc lau chùi bảo quản súng.**

- Súng phải để nơi khô ráo sạch sẽ, không đẻ bụi bẩn nưíưc ,nắng hắt vào...

- Không được làm rơi súng đạn ,không được dùng súg làm gậy chống, làm đồn khiêng, không ngồi lên súng...chỉ được vận chuyển súng đạn khi được bao gói cẩn thận.

- Hằng ngày sau khi học tập, công tác phải lau sạch súng ,hằng tuần phải thoá lắp thông thường để lau chùi bôi dầu mỡ vào các bộ phận của súng.

- Phải thường xuyên kiểm tra, lau chùi bảo quản súng đạn theo chế độ, thấy súng đạn mất phải báo ngay cho người có trách nhiệm.

# BÀI 5: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

**I. Ý NGHĨA, YÊU CẦU**

**1. Ý nghĩa**

Để nhanh chống, bí mật đến gần mục tiêu, tìm mọi cách tiêu diệt địch

**2. Yêu cầu**

- Luôn quan sát địch, địa hình và động đội, vận dụng các tư thế phù hợp

- Hành động mưu trí, mau lẹ, bí mật



**II. CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN KHI VẬN ĐỘNG**

**1. Động tác đi khom**

\* Trường hợp vận dụng: Thường được vận dụng trong trường hợp gần địch có địa hình, địa vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực hoặc đêm tối sương mù, địch khó phát hiện.

a. Đi khom cao

- Tư thế chuẩn bị:

   Chân trái bước lên một bước, mũi bàn chân hơi chếch sang phải, chân phải dung mũi bàn chân làm trụ xoay gót lên cho người nghiêng sang phải, hai chân chùng, trọng lượng dồn đều vào hai chân, từ bụng trở lên cúi thấp, mắt quan sát địch, tay trái cầm ốp lót tay, tay phải cầm tay cầm, ngót trỏ đặt ngoài vành cò, mặt sung nghiêng sang trái, đầu nòng sung cao ngang mắt trái, sung ở tư thế sẵn sang chiến đấu.

  - Động tác tiến:

Chân phải bước lên đặt cả bàn chan xuống đất, mũi bàn chân chếch sang phải, hai chân vẫn chùng. Cứ như vậy hai chân thay nhau bước tiến đến vị trí đã định

b. Đi khom thấp:

Như đi khom cao chỉ khác hai chân chùng hơn, người cúi thấp hơn

- Đi khom khi có chướng ngại vật: Đông tác cơ bản như đi khom ở địa hình bình thường chỉ khác dây súng deo vào vai phải, tay phải nắm ốp lót tay, cánh tay kẹp chặt súng vào người, tay trái cầm cành lá ngụy trang hoặc vạch đường để tiến.

- Khi mang vật chất, khí tài, trang bị động tác cơ bản như trên, chỉ khác: súng đeo sau lưng, hai tay mang vật chất, khí tài, trang bị.

\* Những điểm chú ý:

- Thuận tay trái động tác thực hiên ngược lại

- Khi đi người không nhấp nhô, không ôm súng

**2. Động tác chạy khom**

\* Trường hợp vận dụng: Thường được vận dụng trong trường hợp cần vận động nhanh từ địa hình này sang địa hình khác.

Động tác cơ bản như động tác đi khom, chỉ khác: tốc độ nhanh hơn, bước chân dài hơn.

**3. Động tác bò cao**

\* Trường hợp vận dụng: Thường được vận dụng trong trường hợp ở nơi gần địch, có địa hình, địa vật cao hơn tư thế người ngồi, vận động qua nơi dễ phát ra tiếng động như: nơi gạch , ngói, sỏi, đá lởm chởm, cành khô, lá khô…cần phải dùng tay để dò mìn

a. Bò cao hai chân một tay: vận dụng khi gần địch, sẵn sàng dùng súng hoặc một tay dò mìn, mang, ôm, khí tài trang bị….

- Tư thế chuẩn bị: Người ngồi xổm, chân trái trước, hân phải sau, hai bàn chân hơi kiểng, trọng lượng dồn đều vào hai mũi bàn chân, dây súng đeo vào vai phải, tay phải cầm ốp lót tay, cánh tay kẹp chặt súng vào thân người.

- Động tác tiến:

          Người hơi ngã về trước, năm ngón tay trái chụm lại đưa về trước chống xuống đất trước mũi bàn chân phải, rồi từ từ xòe ra đẩy nhẹ lá cây, cỏ khô…về các phía, lấy đầu các ngón tay và chân phải làm trụ, chuyển dần trọng lượng thân người sang bên phải, chân trái nhấc lênđặt mũi bàn chân dưới sát lòng bàn tay trái.

          Chuyển trọng tâm thân đồn đều vào hai chân, tay trái đưa về trước, năm ngón tay chụm lại chống truócmũi chân trái, thực hiện động tác như trên. Cứ như vậy tay trái, hai mũi bàn chân phối hợp nhịp nhangfthuwcj hiện 2 chắc 1 đi tiến lên vị trí xác định, mắt luôn quan sát hướng địch.

b. Bò cao hai chân hai tay: vận dụng trong trường hợp chưa cần dùng đến súng, tay không bận.

Động tác cơ bản như bò cao hai chân một tay, chỉ khác: súng đeo sau lưng, khi tiến tay nào thì dò đường của chân đó thực hiện 3 chắc 1 đi tiến đến nơi xác định.

\* Những điểm chú ý:

- Khi tiến không để báng súng chạm đất, không đặt cả bàn chân.

- Ở nơi có cây cỏ thấp, không có mìn có thể tay trái cầm cành lá ngụy trang.

**4. Động tác lê**

\* Trường hợp vận dụng: Thường được vận dụng trong trường hợp gần địch, cần thu hẹp mục tiêu, nơi địa hình, địa vật cao ngang tầm người ngồi, động tác cần nhẹ nhàng, thận trọng.

a. Lê cao

  - Tư thế chuẩn bị: người ngồi nghiêng xuống đất, mông trái và đùi trái tiếp đất, chân trái co lên để đùi trái gần vuông góc với hướng địch, cẳng chân gần vuông góc với đùi, chân phải duỗi thẳng tự nhiên, tay trái chống trước đùi trái, đầu hơi cúi. Tay phải cầm ốp lót tay, súng đặt trên đùi và cẳng chân, súng nằm thăng bằng trên cẳng chân trái, hộp tiếp đạn quay ra ngoài, nòng súng hơi chếch sang trái hoặc có thể đặt súng trên hông phải

 - Động tác tiến: Chân phải co lên, đặt sát bàn chân vào bàn chân trái, tay trái chống về trước một cánh tay, bàn tay hơi chếch sang phải dùng sức của chânphải và tay trái nâng người lên khỏi mặt địa hình và đẩy người về trước. Khi chân phải duỗi thẳng tự nhiên thì dặt đùi và cẳng chân trái xuống đất. Cứ như vậy, tay trái chân phải phối hợp đẩy người tiến đến vị trí xác định, mắt luôn quan sát hướng địch

b. Lê thấp

\* Động tác cơ bản như lê cao, chỉ khác: khi tiến, dặt cả cẳng tay xuống đất, bàn tay quay sang bên phải, đấu cúi thấp hơn

   Khi mang vật chất, khí tài, trang bị: Động tác cơ bản như trên, chỉ khác: súng đeo sau lưng, để vật chất lên cẳng chân hoặc tay kẹp vật chấtdặt vật chất lên sườn để tiến.

\* Những điểm chú ý:

- Trường hợp thuận tay trái, động tác ngược lại

- Không để súng chạm đất.

**5. Động tác trườn**

\* Trường hợp vận dụng: thường được vận dụng ở nơi gần địch, để dò, gỡ mìn, chui qua hàng rào của địch, hoặc khi cần vượt qua địa hình bằng phẳng, nơi vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người nằm

a. Trườn ở địa hình bằng phẳng

- Tư thế chuẩn bị: người nằm sấp, súng đặt bên phải dọc theo thân người, cách thân người từ 25- 30cm, đầu nòng súng hướng về phía trước và cao ngang tầm đầu, hộp tiếp đạn hướng ra ngoài. Hai tay gập, khuỷu tay rộng hơn vai, hai cẳng tay và hai bàn tay úp xuống đất sát vào nhau và đặt dưới cằm hoặc hơi chếch về trước. Hai chân duổi thẳng, hai mũi bàn chân chống xuống đất, hai bàn chân khép lại tự nhiên.

- Động tác tiến: hai tay đưa về trước khoảng 15-20cm, hai mũi bàn chân co về trước, dùng sức của hai tay và hai mũi bàn chân nâng người lên và đẩy người về trước, bụng và ngực lướt trên mặt đất, đầu cúi xuống, cằm gần sát địa hình. Cứ như vậy phối hợp hai chân, hai tay để tiền, tiến được 2-3 nhịp, tay phải cầm ốp lót tay nhấc súng lên, đưa súng về trước đặt nhẹ xuống địa hình, rồi tiếp tục tiến.

b. Trườn ở địa hình mấp mô

- Động tác cơ bản như trườn ở địa hình bằng phẳng, chỉ khác: hai tay co, khuỷu tay khép sát sườn, hai bàn tay chống sát nách, nâng người cao hơn để tiến

- Khi mang vật chất khí tài, trang bị: động tác cơ bản như trên, chỉ khác: súng đeo sau lưng, vật chất để dọc bên phải thân người. Khi lấy vật chất, người nghiêng sang trái, chân phải hơi co lên, hai tay đưa vật chất về trước rồi tiếp tục tiến.

\* Những điểm chú ý:

- Không để súng chạm vào các vật xung quanh.

- Không đưa súng qua đầu

**6. Động tác vọt tiến**

\* Trường hợp vận dụng: thường được vận dụng khi vượt qua dịa hình trống trải, khi địch tạm ngưng hỏa lực.

a. Vọt tiến ở tư thế cao:

  Khi đang đi, đứng, quỳ, ngồi…tay phải xách súng, nếu có trang bị khác thì đeo súng vào sau lưng, hai tay mang trang bị, người hơi cuối về trước, dùng sức của hai chân bậc người về trước chạy nhanh. Quá trình vận động chuyển súng thành tư thế sẵn sàng chiến đấu.

b. Vọt tiến ở tư thế thấp:

Khi đang nằm, bò, trườn… người hơi nghiêng về bên trái, chân trái co lên, đùi cao ngang thắt lưng, chân phải duổi thẳng tự nhiên, tay phải chuyển súng hoặc trang bị dọc theo thân người hoặc đặt ngang bên hông, dùng sức của tay trái và hai chân nâng và bật người dậy, chân phải bước lên, vụt chạy. Quá trình vận động chuyển súng thành tư thế sẵn sàng chiến đấu.

c. Vọt tiến vận dụng:

Tay phải cầm ốp lót tay, đặt súng sang bên phải, hai tay chống xuống trước ngực, dung lực của hai tay và hai chân nâng người lên, chân phải bước về thành tư thế chạy nhanh. Quá trình vận động chuyển súng thành tư thế sẵn sàng chiến đấu.

\* Những điểm chú ý: Trước khi vọt tiến nếu địch theo dõi thì phải di chuyển vị trí rồi mới vọt tiến

# BÀI 6: KĨ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

**I. GIỚI THIỆU MỘT SỐ LỰU ĐẠN VIỆT NAM.**

**1. Lựu đạn Ф1.**

****

a. Tính năng, tác dụng chiến đấu.

- Dùng để tiêu diệt sinh lực địch bằng các mảnh gang vụn.

- Bán kính sát thương 5m.

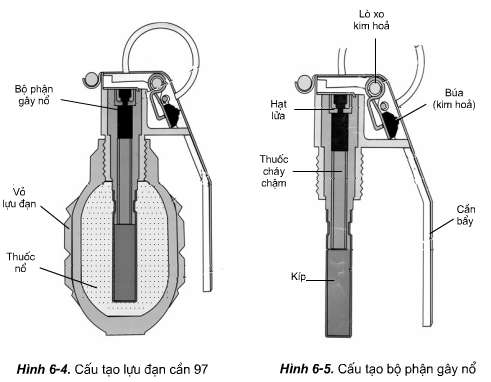
- Thời gian phát lửa đến khi lựu đạn nổ là 3,2 – 4,2 giây.

- Chiều cao: 118mm.

- Đường kính thân 50mm.

- Trọng lượng nặng 450g.

b. Cấu tạo.



Lựu đạn gồn có hai bộ phận:

 - Thân lựu đạn: Vỏ bằng gang có nhiều khía tạo thành múi, cổ lựu đạn có ren để liên kết các bộ phận, bên trong lựu đạn chứa thuốc nổ TNT.

 - Bộ phận gây nổ lắp vào thân lựu đạn: cần bẩy, lò xo kim hỏa, kim hoả, chốt an toàn, mỏ vịt để giữ đuôi kim hoả, hạt lửa để phát lửa thuốc cháy chậm, thuốc cháy chậm, kíp.

c. Chuyển động gây nổ.

- Lúc bình thường, chốt an toàn giữ mỏ vịt không cho mỏ vịt bật lên, đầu mỏ vịt giữ đuôi kim hoả, kim hoả ép lò xo lại.

- Khi rút chốt an toàn, đuôi cần bẩy bật lên, đầu cần bẩy rời khỏi đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bung ra đẩy kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát cháy đốt cháy thuốc cháy chậm, thuốc cháy chậm cháy từ 3,2- 4,2s, phụt lửa vào kíp làm kíp nổ gây nổ lựu đạn.

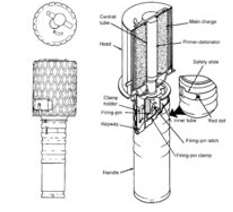
**2. Lựu đạn chày.**



a. Tính năng chiến đấu.

Dùng để sát thương sinh lực địch bằng các mảnh gang vỡ, bán kính sát thương 5m hời gian phát lửa đến khi lựu đạn nổ là 4 – 5 giây, trọng lượng nặng 530g.

b. Cấu tạo.



Lựu đạn gồn có hai bộ phận:

- Thân lựu đạn: Cán lựu đạn bằng gỗ, nắp phòng ẩm, vỏ bằng gang, bên trong lựu đạn chứa thuốc nổ TNT.

- Bộ phận gây nổ ở bên trong chính giữa thân lựu đạn: Dây nụ xoè, nụ xoè, dây cháy chậm, kíp.

c. Chuyển động gây nổ.

Khi giật giây nụ xoè, nụ xoè phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy chậm cháy trong khoảng 4-5s.

Khi dây cháy chậm cháy hết, phụt lửa vào kíp, làm kíp nổ, gây nổ lựu đạn.

**II. QUY TẮC SỬ DỤNG LỰU ĐẠN.**

**1. Sử dụng giữ gìn lựu đạn thật.**

a. Sử dụng lựu đạn.

- Chỉ những người nắm vững tính năng chiến đấu, cấu tạo của lựu đạn, thành thạo động tác sử dụng mới được sử dụng lựu đạn, chỉ sử dụng lựu đạn khi đã được kiểm tra chất lượng.

- Chỉ sử dụng lựu đạn khi có hiệu lệnh của người chỉ huy.Tuỳ vào địa hình địa vật và tình hình địch để lựa chọn tư thế ném lựu đạn.

- Khi ném lựu đạn xong, phải quan sát kết quả ném và tình hình địch để có biện pháp xử lí kịp thời.

b. Giữ gìn lựu đạn.

- Lưu đạn phải để nơi khô ráo, thoáng gió, không để lẫn với các loại đạn, thuốc nổ, hay chất dễ cháy.

- Không để rơi và va chạm mạnh.

- Khi mang, đeo lựu đạn: không được móc mỏ vịt vào thắt lưng, không rút chốt an toàn.

c. Quy định sử dụng lựu đạn.



- Cấm sử dụng lựu đạn thật để huấn luyện, luyện tập.

- Không dùng lựu đạn tập có nổ hay không nổ để đùa nghịch.

- Khi tập không được ném lựu đạn vào nhau.

**III. TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC ĐỨNG NÉM LỰU ĐẠN.**



**1. Trường hợp vận dụng.**

Đứng ném lựu đạn thường vận dụng trong trường hợp có vật cản che đỡ, che khuất cao ngang tầm ngực, phía sau không vướng, mục tiêu ở xa.

**2. Động tác.**

  - Động tác chuẩn bị:

Tay phải đưa súng kẹp vào giữa hai chân, hai tay lấy lựu đạn ra chuẩn bị. tay phải cầm lựu đạn, tay trái xách súng ngang thắt lưng, mũi súng chếch lên trên. Nếu có vật chắn, có thể dựa súng vào bên trái (hoặc bên phải) vật chắn, mặt súng quay sang phải, hộp tiếp đạn quay sang trái.

Phối hợp hai tay mở nắp phòng ẩm hay uốn thẳng chốt an toàn. Sau đó tay phải cầm lựu đạn.

- Động tác ném:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân trái thẳng trục hướng ném, người hơi cúi về trước, gối trái khuỵu, chân phải thẳng. Kết hợp lực giữ, kéo của hai tay rút chốt an toàn hay giật dây nụ xòe.

+ Cử động 2: Tay phải đưa lựu đạn xuống dưới về sau, đồng thời lấy mũi chân trái và gót bàn chân phải làm trụ xoay người sang phải, ngã về sau, chân trái thẳng (không nhắc chân), gối phải hơi chùng.

+ Cử động 3: Dùng sức vút của cánh tay phải, kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vung lựu đạn về phía trước hợp với mặt phẳng ngang một gốc khoảng 450, thì buông lựu đạn ra đồng thời xoay người đối diện với mục tiêu, tay phai đưa súng về phía sau cho cân bằng và đảm bảo an toàn. Chân phải theo đà bước lên một bước , tay phải cầm súng tiếp tục tiến, bắn hoặc ném quả khác.

**3. Chú ý**

- Nếu thuận tay trái, động tác ngược lại.

- Mọi cử động trong động tác phải phối hợp nhịp nhàng theo quy luật tự nhiên.

- Trước khi ném lựu đạn phải khởi động thật kỹ, đặc biệt là các khớp vai, khuỷu tay và khớp cổ tay.

- Muốn ném lựu đạn xa phải biết phối hợp sức bật của chân, sức rướn của thân người, sức vút của cánh tay và buông lựu đạn đúng thời cơ.

- Khi ném lựu đạn phải triệt để lợi dụng địa hình, địa vật hoặc nằm xuống để đảm bảo an toàn.

**IV. NÉM LỰU ĐẠN TRÚNG ĐÍCH.**

****

**1. Đặc điểm, yêu cầu.**

a. Đặc điểm.

- Mục tiêu có vòng tính điểm.

- Người ném: ở tư thế thoải mái.

b. Yêu cầu

Biết kết hợp sức ném và hướng ném để cho lựu đạn đi vừa đúng hướng , vừa đúng cự ly của mục tiêu.

**2. Điều kiện kiểm tra.**

- Bãi kiểm tra

Kẻ ba vòng tròn đồng tâm, bán kính của các vòng: 1m, 2m và 3m. Từ tâm vòng tròn kẻ 1 đường trục thẳng hướng ném và cắm bia số 4.

- Cự ly ném: Nam 25m, nữ 20m.

- Tư thế ném: Đứng ném tại chổ sau khối chắn, có súng. Khi ném có thể dựa súng vào vật chắn.

- Số lựu đạn: Hai quả lựu đạn tập.

**3. Đánh giá thành tích.**

Lấy điểm rơi của lựu đạn để tính thành tích. Trường hợp điểm rơi của lựu đạn chạm vạch thì kết quả được tính cho vòng có ddiemr cao hơn. Cách đánh giá thành tích như sau:

- Giỏi: trúng vòng tròn 1

- Khá: trúng vòng tròn 2

- Trung bình: trúng vòng tròn 3

- Không đạt yêu cầu: không trúng vòng nào

**4. Thực hành tập ném lựu đạn**

a. Người ném (Người tập)

- Tại vị trí chuẩn bị: Kiểm tra lựu đạn, súng tiểu liên AK hoặc súng trường CKC, mang đeo trang bị...

- Nghe khẩu lệnh: “Tiến”. Nhanh chóng xách súng, vận động vào vị trí ném.

- Nghe khẩu lệnh “Mục tiêu bia số 10, đứng chuẩn bị ném”: Làm động tác chuẩn.

- Nghe khẩu lệnh “Ném”: Ném thử 1 quả vào mục tiêu. Sau đó ném quả thứ 2(tính điểm)

Sau khi ném xong nghe công bố kết quả. Khí có khẩu lệnh “Đằng sau”, “Bên phải”, “Bên trái” – “Quay”: Thực hiện động tác quay rồi cơ đọng về vị trí quy định.

b. Người phục vụ

Người phục vụ có nhiệm vụ quan sát điểm rơi, điểm lăn cuối cùng của lựu đạn, báo kết quả ném và nhặt lựu đạn về vị trí.

# BÀI 7: KĨ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

**I. CẦM MÁU TẠM THỜI**

**1. Mục đích.**

- Nhanh chóng làm ngừng chảy máu bằng các biện pháp đơn giản.

- Hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu.

- Góp phần cứu sống nạn nhân, tránh các tai biến nguy hiểm.

**2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời**

****

Băng bó vết thương

- Khẩn trương nhanh chống làm ngừng chảy máu

- Phải xử lý đúng chỉ định theo tính chất của vết thương

- Đúng qui trình kỹ thuật

**3. Phân biệt các loại chảy máu**

- Chảy máu mao mạch: Máu đỏ thẫm, thấm tại vết thương, lượng máu ít, có thể tự cầm.

- Chảy máu tĩnh mạch vừa và nhỏ: Máu đỏ thẫm, chảy ri rỉ tại vết thương, lượng máu vừa phải, có thể tự cầm.

- Chảy máu động mạch: Máu đỏ tươi, chảy thành tia, lượng máu nhiều, không tự cầm.

**4. Các biện pháp cầm máu tạm thời**

a. Ấn động mạch

Dùng các ngón tay (ngón cái hoặc các ngón khác) ấn đè trên đường đi của động mạch làm động mạch bị ép chặt giữa ngón tay ấn và nền xương, máu ngừng chảy ngay tức khắc. Ấn đọng mạch có tác dung cầm máu nhanh, ít gây đau và không gây tai biến nguy hiểm cho người bị thương, nhưng đòi hỏi người làm phải nắm chắc kiến thức giải phẩu về đường đi của động mạch.

Ấn động mạch không giữ được lâu vì mỏi tay ấn, do vậy chỉ là biện pháp cầm máu tức thời, sau đó phải thay thế bằng các biện pháp khác.

Một số điểm để ấn động mạch trên cơ thể:

- Ấn động mạch trụ và quay ở cổ tay: Khi chảy máu nhiều ở bàn tay, dùng ngón cái ấn vào động mạch trụ và quay ở phía trên cổ tay, cách bờ trong và bờ ngoài cẳng tay 1,5cm.

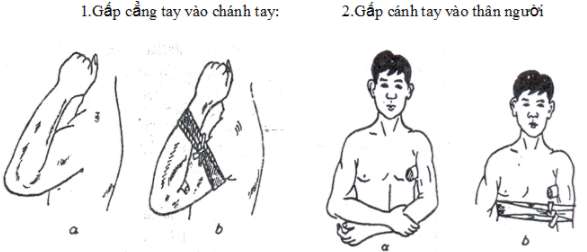
- Ấn động mạch cánh tay ở mặt trong cánh tay: Khi chảy máu nhiều ở cẳng tay, cánh tay, dùng ngón cái hoặc bốn ngốn ấn mạnh vào mặt trong cánh tay ở phía trên vết thương. Nếu vết thương ở cao, ấn sâu vào động mạch nách ở đỉnh hố nách.

- Ấn động mạch dưới đòn ở hõm xương đòn: Khi chảy máu nhiều ở hố nách, dùng ngón cái ấn mạnh và sâu ở hố trên đòn sát giữa bờ sau xương đòn làm động mạch bị ép chặt vào xương sườn, máu sẽ ngưng chảy.

b. Gấp chi tối đa

Gấp chi tối đa là biện pháp cầm máu đơn giản, mọi người đều có thể tự làm được. Khi chi bị gấp mạnh, các mạch máu cũng bị gấp và bị đè ép bởi các khối cơ bao quanh làm cho máu ngưng chảy.

Gấp chi tối đa cũng chỉ là biện pháp tạm thời vì không giữ được lâu. Trường hợp có gãy xương kèm theo tì không thực hiện được gấp chi tối đa.



- Gấp cẳng tay vào cánh tay: Khi chảy máu nhiều ở bàn tay và cẳng tay, phải gấp ngay thật mạnh cẳng tay vào cánh tay, máu ngưng chảy.  
  Khi cần giữ lâu để chuyển người bị thương về các tuyển cứu chữa, cần cố định tư thế gấp bằng một vài vòng băng ghì chặt cổ tay vào phần trên cánh tay.

- Gấp cánh tay vào thân người có con chèn: Khi chảy máu nhiều do tổn thương động mạch cánh tay, lấy ngay một khúc gỗ tròn đường kính 5-10cm, hay cuộn băng hoặc bất cứ vật rắn nào tương tự kẹp chặt vào nách ở phía trên chổ chảy máu, rồi cố định cánh tay vào thân người bằng một vài vòng băng, máu ngưng chảy.

c. Băng ép

Là phương pháp băng vết thương với các vòng băng xiết tương đối chặt đè ép mạnh vào bộ phận tổn thương tạo điều kiện cho việc nhanh chóng cho việc hình thành các cục máu làm cho máu ngưng chảy ra ngoài.

Cách tiến hành băng ép:

- Đặt một lớp gạc và bông hút phủ kính vết thương.

- Đặt một lớp băng mỡ dày phủ trên lớp bông gạc.

- Băng theo kiểu vòng xoắn hoặc số 8 (nên dùng loại băng thun vì băng này có tính chun giản tốt)

d. Băng chèn

Bằng chèn cũng là kiểu đè ép như ấn động mạch, nhưng không phải bằng ngón tay mà bằng một vật cứng tròn, nhẵn không sắc cạnh, gọi là con chèn, con chèn được dặt vào vị trí trên đường đi của động mạch, càng sát vết thương càng tốt, sau đó cố định con chèn bằng nhiều vòng băng xiết tương đối chặt. Các vị trí có thể băng chèn tương tự như vị trí ấn động mạch.

e. Băng nút

Băng nút là cách băng ép, có dùng thêm bấc gạc đã diệt khuẩn, nhét chặt vào miệng vết thương tạo thành cái nút để cầm máu.  
Nút càng chặt làm tăng sức đè ép vào các mạch máu, tác dụng cầm máu càng tốt.

f. Ga rô

Ga rô là biện pháp cầm máu tạm thời bằng sợ dây cao su xoắn chặt vào đoạn chi làm ngăn sự lưu thông máu từ phía trên xuống phía dưới của chi, máu sẽ không chảy ra miệng vết thương.

Do sự ngưng lưu thông máu trong thời gian nhất định (khoảng 60 – 90 phút) rất dễ xảy ra tai biến nguy hiểm. Vì vậy phải cân nhắc kĩ lưỡng trước khi quyết định ga rô trong trường hợp các vết thương có chảy máu.

- Chỉ định ga rô: Ga rô được phép làm trong những trường hợp sau đây:

+ Vết thương ở chi chảy máu ồ ạt, phụt thành tia và trào mạnh qua miệng vết thương.

+ Vết thương bị cắt cụt tự nhiên.

+ Vết thương phần mềm hoặc gãy xương có kèm theo tổn thương động mạch đã cầm máu bằng các biện pháp tạm thời khác không có hiệu quả.

+ Bị rắn độc cắn, nhằm ngăn cản chất độc xâm nhập vào cơ thể.

- Nguyên tắc ga rô:

+ Phải đặt ga rô ngay sát phía sau vết thương và để lộ ra ngoài để dễ nhận ra. Tuyệt đối không để che lấp ga rô.

+ Người bị đặt ga rô phải được nhanh chóng chuyển về các tuyến cứu chữa; trên đường vận chuyển cứ 1 giờ phải nới ga rô 1 lần, không để ga rô lâu quá 3-4 giờ.

+ Có phiếu ghi rõ: Họ tên, địa chỉ người bị ga rô, thời gian bắt đầu ga rô, thời gian nới ga rô lần 1, lần 2,...Họ tên, địa chỉ người ga rô,... để giúp tuyến trên theo dõi và xử trí.

+ Có kí hiệu bằng vải đỏ cài vào túi áo bên trái của nạn nhân.

- Cách ga rô: Dây ga rô thường dùng sợ dây cao su to bản (3 – 4cm) mỏng và tác dụng đàn hồi tốt. Trường hợp khẩn cấp có thể sử dụng bất kì loại dây nào khác như: Băng cuôn, dây cao su tròn, quai dép,... để ga rô.

- Thứ tự ga rô như sau:

+ Ấn động mạch phía trên vết thương.

+ Lót vại gạc chổ định ga rô.

+ Đặt dây ga rô rồi từ từ xoắn, vừa xoắn vừa bỏ tay ấn động mạch ra, theo dõi không thấy máu chảy ở vết thương là được.

+ Băng vết thương và làm các thủ tục hành chính.

- Ấn động mạch- Gấp chi tối đa

- Băng ép,

- Băng nút

- Băng chèn

- Ga rô

**II. CỐ ĐỊNH TẠM THỜI XƯƠNG GÃY**

**1. Tổn thương gãy xương**

- Xương bị gãy rạn, gãy rời thành nhiều mảnh...

- Da, cơ bị giập nát nhiều, có thể tổn thương mạch máu, thần kinh.

- Dễ choáng do đau đớn, mất máu.

**2. Mục đích**

- Làm giảm đau đớn, cầm máu tại vết thương.

- Giữ cho các đầu xương tương đối yên tĩnh.

- Phòng ngừa các tai biến.

**3. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy**

- Phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới ổ gãy.

- Không đặt nẹp cứng sát vào chi thể.

- Không co kéo nắn chỉnh ổ gãy.

- Cố định nẹp vào chi tương đối chắc.

**4. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy**

a. Các loại nẹp thường dùng cố định tạm thời xương gãy

- Nẹp tre

- Nẹp gỗ

- Nẹp crame

b. Kỹ thuật cố định tạm thời gãy xương

Đối với các vết thương gãy xương hở, trước hết phải cầm máu cho vết thương (nếu cần thiết), băng kín vết thương, sau đó mới đặt nẹp cố định xương gãy.

- Cố định tạm thời xương bàn tay gãy, khớp cổ tay. Dùng một nẹp tre to bản hoặc nẹp Crame:

+ Đặt một cuộn băng hoặc một cuộn bông vào lòng bàn tay, để bàn tay ở tư thế nữa sấp, các ngón tay nữa sấp.

+ Đặt nẹp thẳng từ bàn tay đến khuỷu tay.

+ Băng cố định bàn tay, cẳng tay vào nẹp, để hở các đầu ngón tay để tiện theo dõi sự lưu thông của máu.

+ Dùng khăn tam giác hoặc cuộn băng treo cẳng tay ở tư thế gấp 900.

- Cố định tạm thời xương cẳng tay gãy: dùng 2 nẹp tre hoặc nẹp Crame.

+ Đặt nẹp ngắn ở phía trước cẳng tay (phía lòng bàn tay) từ bàn tay đến nếp khuỷu.

+ Đặt nẹp ở phía sau cẳng tay (phía mu bàn tay) từ khớp ngón tay đến mỏm khuỷu.

+ Buộc một đoạn ở cổ tay và bàn tay, một đoạn ở trên và dưới nếp khuỷu để cố định cẳng tay, bàn tay vào nẹp.

+ Dùng khăn tam giác hoặc cuộn băng treo cẳng tay ở tư thế gấp 900.

- Cố định tạm thời xương cánh tay gãy. Dùng nẹp tre hoặc nep Crame:

+ Dặt nẹp ngắn ở mặt trong cánh tay từ nép khuỷu đến hố nách.

+ Đặt nẹp dài ở ngoài cánh tay từ mõm khuỷu đến mỏm vai.

+ Buộc một đoạn ở 1/3 trên cánh tay và khớp vai, một đoạn ở trên và dưới nếp khuỷu để cố định cánh tay vào nẹp.

+ Dùng khăn tam giác hoặc băng cuộn treo cẳng tay ở tư thế gấp 900 và cuốn vài vòng băng buộc cánh tay vào thân người.

- Cố định tạm thời xương cẳng chân gãy. Dùng nẹp tre hoặc nẹp Crame:

+ Đặt nẹp ở mặt trong và mặt ngoài cẳng chân, từ gót lên tới đùi.

+ Đặt bông đệm vào các đầu xương.

+ Buộc một đoạn ở cổ và bàn chân, một đoạn ở trên và dưới gối, một đoạn ở giữa đùi cố định chi gãy vào nẹp.

- Cố định tạm thời xương đùi gãy. Dùng ba nẹp tre hoặc ba nẹp Crame:

+ Đặt nẹp sau từ ngang thắt lưng (trên mào xương chậu) đến gót chân.

+ Đặt nẹp ngoài từ hố nách đến gót chân.

+ Đặt nẹp trong từ nép bẹn đến gót chân.

+ Dùng bông đệm lót vào các đầu xương.

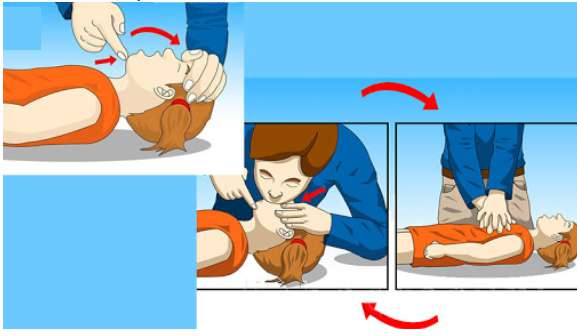
+ Buộc một đoạn ở cổ chân hoặc bàn chân, một đoạn ở trên và dưới gối, một đoạn ở bẹn , một đoạn ở ngang thắt lưng, một đoạn ở ngang hố nách để cố định chi gãy vào nẹp.

+ Sau đó buộc chi gãy đã cố định vào chi lành ở cổ chân, gối và đùi trước khi vận chuyển.

+ Trường hợp cố định bằng nẹp Crame cũng làm tương tự như cố định bằng nẹp tre.

+ Đối với các trường hợp gãy xương đùi, mặc dù đã được cố định đều phải được vận chuyển bằng cáng cứng.

**III. HÔ HẤP NHÂN TẠO**

****

\* Khái niệm:

Hô hấp nhân tạo là làm cho không khí ở ngoài vào phổi và không khí ở phổi ra ngoài để thay thế cho hô hấp tự nhiên khi người bị thương ngạt thở

**1. Nguyên nhân gây ngạt thở**

- Do ngạt nước.

- Do bị vùi lấp.

- Do hít phải khí độc.

- Do tắc nghẽn đường hô hấp trên.

**2. Cấp cứu ban đầu**

Yêu cầu: Khẩn trương kiên trì và thành thạo kỹ thuật

a. Những biện pháp cần làm ngay

- Loại bỏ nguyên nhân gây ngạt thở

- Khai thông đường hô hấp

- Làm hô hấp nhân tạo

b. Các phương pháp hô hấp nhân tạo

- Phương pháp thổi ngạt và ép tim ngoài lòng ngực: là phương pháp dễ làm đem lại hiệu quả cao. Cần một người hoặc có thể hai người làm.

+ Thổi ngạt:

Để nạn nhân nằm ngữa, kê một chiếc gối, chăn, màn ...dưới gáy cho đầu hơi ngữa về sau.

Người cấp cứu quỳ bên phải sát ngang vai người bị nạn, dùng một ngón tay cuốn miếng gạc, hoặc vải sạch đưa vào trong miệng người bị nạn lau sạch đờm dãi, các chất nôn,...

Dùng một tay bóp kín hai bên mũi, một tay đẩy mạnh cằm cho miệng há ra, hít một hơi thật dài, áp miệng mình vào miệng nạn nhân, thổi. Làm liên tục với nhịp độ 15 – 20 lần/phút.

+ Ép tim ngoài lồng ngực:

\* Người cấp cứu quỳ bên phải ngang thắt lưng người bị nạn.

\* Đặt bàn tay phải chồng lên bàn tay trái, các ngón tay xen kẻ nhau, đè lên 1/3 dưới xương ức, các ngón tay chếch sang bên trái.

\* Ép mạnh bằng sức nặng của cơ thể xuống xương ức của người bị nạn với một lực vừa đủ để lồng ngực lún xuống 2-3 cm. Với trẻ nhỏ lực ép nhẹ hơn.

\* Sau mỗi lần ép thả lỏng tay cho ngực trở lại vị trí bình thường. Duy trì với nhịp độ 50 -60 lần/phút.

\* Trong trường hợp chỉ có một người làm nên duy trì 2 lần thổi ngạt, 15 lần ép tim.

Trường hợp có hai người làm, người thổi ngạt quỳ bên trái, người ép tim quỳ bên phải người bị nạn và duy trì 1 lần thổi ngạt, 5 lần ép tim.

Làm liên tục cho đến khi người bị nạn tự thở được, tim đập lại thì dừng.

- Phương pháp Sylveter

+ Người bị nạn nằm ngữa, đầu quay về một bên có chăn hoạc gối đệm dưới lưng.

+ Người cấp cứu quỳ ở phía đầu, nắm chặt lấy hai cổ tay người bị nạn.

+ Thì thở ra: Đưa hai cẳng tay người bị nạn gập vào trước ngực, người cấp cứu hơi nhổm về trước, tay duỗi thẳng ép mạnh để làm cho không khí ở trong phổi ra ngoài.

+ Thì hít vào: Người cấp cứu ngồi xuống đồng thời kéo hai cổ tay người bị nạn dang rộng ra tới chạm đầu rồi lại đưa về tư thế ban đầu làm cho không khí ở bên ngoài vào trong phổi.

+ Làm với nhịp độ 10 -12 lần/phút

\* Những điểm chú ý khi làm hô hấp nhân tạo

- Làm càng sớm càng tốt , kiên nhẫn cho đến khi nạn nhân thở được. Thông thường làm trong thời gian 40 – 60 phút, không có hiệu quả thì dừng.

- Làm đúng nguyên tắc, lực đủ mạnh, giữ nhịp đều đặn mới thực sự hữu hiệu.

- Làm tại chổ thông thoáng, nhưng cũng không làm ở chổ giá lạnh

- Không được làm hô hấp nhân tạo cho người bị nhiểm chất độc hóa học, bị sức ép, bị thương ở ngực, gãy xương sườn và tổn thương cột sống

- Tuyệt đối không được chuyển người ngạt thở về các tuyến sau, khi nạn nhân chưa tự thở được.

\* Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở.

a. Tiến triển tốt

Hô hấp dần dần hồi phục, người bị nạn nấc và bắt đầu thở, nhip thở lúc đầu ngập ngừng, không đều và vẫn tiếp tục hô hấp nhân tạo theo nhịp thở của người bị nạn cho đến khi thở đều, thở sâu, môi và sắc mặt hồng trở lại.

b. Tiến triển xấu

Chỉ ngưng hô hấp nhân tạo khi người bị nạn có các dấu hiệu sau:

- Xuất hiện các mãng tím tái trên da ở những chổ thấp.

- Nhãn cầu mềm và nhiệt độ hậu môn dưới 250C.

- Bắt đầu có hiện tượng cứng đơ của xác chết.

**IV. KỸ THUẬT CHUYỂN THƯƠNG**

\* Khái niệm:

         Chuyển thương là nhanh chóng đưa người bị thương, bị nạn ra nơi an toàn hoặc về các tuyến để kịp thời cứu chữa. Phương pháp chuyển thương phải thích hợp với yêu cầu của từng vết thương mới đảm bảo an toàn cho người bị thương, bị nạn

**1. Mang vác bằng tay.**

****

Bế nạn nhân

Mang vác bằng tay thường do một người làm, vì vậy không chuyển đi xa được. Mang vác bằng tay có thể vận dụng một số kỹ thuật sau:

- Bế nạn nhân

- Cõng trên lưng, đơn giản hơn.

- Dùi: áp dụng vận chuyển người bị thương nhẹ

- Vác trên vai: áp dụng vận chuyển người bị thương nhẹ vào chân, không tự đi được.

**2. Chuyển nạn nhân bằng cáng**

  Chuyển nạn nhân bằng cáng là cách chuyển phổ biến và đảm bảo an toàn nhất.

a. Các loại cáng

Có các loại cáng khác nhau như:

- Cáng bạt khiêng tay.

- Cáng võng đay, võng bạt.

- Cáng tre hình thuyền.

Tùy theo yêu cầu của từng vết thương cũng như điều kiện cụ thể tại nơi xãy ra bị thương, bị nạn người ta có thể sử dụng từng loại cáng cho thích hợp.

b. Kĩ thuật cáng thương



Vận chuyển nạn nhân bằng cáng

- Đặt nạn nhân lên cáng (hai người làm): Đặt cáng bên cạnh nan nhân, hai người quỳ bên cạnh người bị thương đối diện với cáng, luồn tay dưới nạn nhân. Một người đỡ gáy và lưng, một người đỡ thắt lưng và nếp khoeo cùng nhấc từ từ lên cáng.

- Luồn đòn cáng và buộc dây cáng (nếu là cáng võng

- Với người bị gãy xương đùi, tổn thương cột sống, phải đặt một khung tre vào trong cáng võng, chiều dài khung tùy theo xương gãy.

- Kỹ thuật cáng thương:

+ Mỗi người cáng cần có một chiếc gậy dài 140 – 150cm, có chạc ở đầu trên để đỡ đòn cáng khi cần nghỉ hoặc đổi vai.

+ Khi cáng trên đường bằng, hai người không đi đều bước vì cáng sẽ lắc lư, phải giữ tốc độ cho đều nhau, người đi trước báo cho người đi sau những chổ khó đi để tránh.

+ Khi cáng trên đường dốc, phải cố giữ cho đòn cáng thăng bằng, lên dốc để đầu đi trước, xuống dốc để đầu đi sau.